TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ D** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số 50/2023/DS-ST Ngày 26- 5-2023 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn.
2. Bà Phạm Tú Nhi.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 62/2023/QĐST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP N; trụ sở: Phường L, quận H, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên lạc: Khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Đức L, sinh năm 1980, chức vụ: Trưởng phòng khách hàng bán lẻ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Nam Bình Dương; địa chỉ: Phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 29/12/2022), Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1984; thường trú: Ấp T, xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau; địa chỉ: KDC Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30/12/2022, quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/5/2021, ông Nguyễn Văn C và Ngân hàng T (sau đây gọi tắt là N) có ký hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế để vay số tiền 10.000.000 đồng. Lãi suất cho vay thay đổi theo thông báo của Ngân hàng. Phí không thanh toán đủ số tiền tối thiểu là 3% trị giá thanh toán tối thiểu (mức tối thiểu là 50.000đ). Phí rút tiền mặt là 4% số tiền giao dịch (tối thiểu 50.000đ/giao dịch). Phí vượt hạn mức từ 01 đến 05 ngày là 8%/năm/số tiền vượt hạn mức; từ 06 ngày đến 15 ngày là 10%/năm/số tiền vượt hạn mức; từ ngày thứ 16 trở đi là 15%/năm/số tiền vượt hạn mức. Quá trình sử dụng thẻ, ông C không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng, vi phạm về việc thanh toán không đủ số tiền tối thiểu theo thỏa thuận. Do ông C vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông C trả khoản nợ tính đến ngày 26/5/2023 là 15.922.568 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc thẻ tín dụng: 9.647.683đ;

+ Lãi thẻ tín dụng: 2.160.654đ;

+ Phí không thanh toán đủ số tiền tối thiểu: 3.608.184đ;

+ Phí vượt hạn mức: 355.472đ;

+ Phí thường niên: 150.575đ.

Đồng thời yêu cầu ông C tiếp tục trả tiền lãi, phí từ ngày 27/5/2023 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C: Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án yêu cầu bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

+ Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào các ngày 09/5/2023, 26/5/2023 nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng.

+ Về nội dung vụ án đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được vào ngày 29/3/2023 do bị đơn vắng mặt không có lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị không

tiến hành hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Xét Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 14/5/2021, giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn C thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Quá trình sử dụng thẻ, ông C vi phạm về việc thanh toán không đủ số tiền tối thiểu theo thỏa thuận cho Ngân hàng. Do ông C vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng căn cứ vào các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng để khởi kiện yêu cầu ông C trả nợ là có cơ sở.

[3] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán khoản nợ tính đến hết ngày 26/5/2023 là 15.922.568 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc thẻ tín dụng: 9.647.683đ;

+ Lãi thẻ tín dụng: 2.160.654đ;

+ Phí không thanh toán đủ số tiền tối thiểu: 3.608.184đ;

+ Phí vượt hạn mức: 355.472đ;

+ Phí thường niên: 150.575đ.

Đồng thời, bị đơn còn phải thanh toán tiền lãi, phí phát sinh kể từ ngày 27/5/2023 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[5] Chi phí tố tụng khác: Chi phí Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo Điều 180 Bộ luật tố tụng Dân sự số tiền 3.900.000 đồng, bị đơn phải chịu. Do nguyên đơn đã tạm ứng toàn bộ nên bị đơn phải nộp số tiền là 3.900.000 đồng để hoàn trả lại cho nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T khoản nợ theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 14/5/2021 tính đến hết ngày 26/5/2023 là 15.922.568 đồng (mười năm triệu chín trăm hai mươi hai ngàn năm trăm sáu mươi tám) đồng, trong đó:

+ Nợ gốc thẻ tín dụng: 9.647.683đ;

+ Lãi thẻ tín dụng: 2.160.654đ;

+ Phí không thanh toán đủ số tiền tối thiểu: 3.608.184đ;

+ Phí vượt hạn mức: 355.472đ;

+ Phí thường niên: 150.575đ.

Tiền lãi, phí được tiếp tục tính từ ngày 27/5/2023 cho đến khi ông Nguyễn Văn C thanh toán xong các khoản nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 14/5/2021.

3. Chi phí tố tụng khác: Chi phí Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 3.900.000 đồng, ông Nguyễn Văn C phải chịu. Ngân hàng T đã tạm ứng trước nên ông Nguyễn Văn C phải có trách nhiệm thanh toán lại cho Ngân hàng T số tiền trên.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 796.128 (bảy trăm chín mươi sáu ngàn một trăm hai mươi tám) đồng. Trả lại cho Ngân hàng T 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006040 ngày 31/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

5. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND thành phố D (01);
- CCTHA DS thành phố D (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

Đặng Ngọc Quân